

Số: /KH-UBND

Mậu Lâm, ngày tháng 01 năm 2023

KẾ HOẠCH
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ MẬU LÂM NĂM 2023.

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới, và bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM nâng cao, giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số: 32/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025;

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ xã Mậu Lâm lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 xã Mậu Lâm.

Thực hiện Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2021 của UBND xã Mậu Lâm về việc thực hiện xây dựng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Mậu Lâm giai đoạn 2021-2025.

UBND xã Mậu Lâm xây dựng Kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM trên địa bàn xã Mậu Lâm năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và nhân dân hiểu rõ về xây dựng nông thôn mới. Phát huy nội lực của cộng đồng dân cư là chủ yếu, nhà nước định hướng, hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện xây dựng nông thôn mới bảo đảm phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân được hưởng lợi. Đến năm 2024 xã Mậu Lâm đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Yêu cầu:

- Xác định nhiệm vụ cụ thể, xây dựng lộ trình đối với từng nội dung công việc để thực hiện. Tiếp tục cải thiện đời sống, cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và môi trường ở nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Hiện trạng, chỉ tiêu khối lượng kế hoạch

Theo rà soát Bộ Tiêu chí Nông thôn mới, đến nay xã Mậu Lâm đã đạt 15/19 tiêu chí (tự đánh giá), gồm:

- 1 TC1: Quy hoạch
- 2 TC 3: Thủy lợi và PCTT
- 3 TC4: Điện
- 4 TC 5: Trường học
- 5 TC 6: Cơ sở vật chất văn hóa
- 6 TC 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn
- 7 TC 8: Thông tin và truyền thông
- 8 TC 9: Nhà ở dân cư
- 9 TC 10: Thu nhập
- 10 TC 12: Lao động
- 11 TC 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn
- 12 TC 14: Giáo dục và đào tạo
- 13 TC 16: Văn hóa
- 14 TC 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật
- 15 TC 19: Quốc phòng và an ninh

Các Tiêu chí chưa đạt: còn 4 tiêu chí, gồm:

- 1 TC số 2: Giao thông
- 2 TC số 11: Nghèo đa chiều
- 3 TC số 15: Y tế
- 4 TC số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

2. Nội dung cụ thể thực hiện trong năm 2023.

2.1. Mục tiêu:

- Hoàn thành 01 tiêu chí: Tiêu chí số 01 về Giao thông
- Hoàn thành 02 thôn NTM kiểu mẫu: thôn Tâm Tiến và thôn Hợp Tiến
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2%.
- Thu nhập phân đầu đạt 57 triệu đồng.
- Dân số tham gia BHYT phân đầu từ 90% trở lên.

- Hộ sử dụng nước sạch: 85%.
- Tỷ lệ trục thôn, đường liên thôn chiều rộng mặt đường tối thiểu 3m được cứng hóa đạt 90%; Tỷ lệ đường ngõ xóm sạch và không lầy lội mùa mưa, chiều rộng nền đường tối thiểu 3m đạt 50% được cứng hóa; Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa chiều rộng mặt đường tối thiểu 3m đạt 50% được cứng hóa.
- Tỷ lệ cơ sở vật chất văn hóa đảm bảo theo quy định của Bộ Văn hóa thể thao du lịch đạt 85 % trở lên.

2.2. Nội dung thực hiện cụ thể:

- Mở rộng nền đường số km giao thông còn lại theo kế hoạch. Thực hiện rà soát cụ thể tại các thôn để có kế hoạch đăng ký từ đầu năm.
- Nâng cấp cải tạo 13 NVH thôn. Cần đẩy mạnh tuyên truyền công tác xây dựng NTM nâng cao trên địa bàn toàn xã để huy động nguồn lực trong nhân dân trong chỉnh trang, nâng cấp, sửa chữa NVH cũng như thực hiện các tiêu chí khác.
- Đối với thôn Tâm Tiến và thôn Hợp Tiến đăng ký về đích thôn NTM kiểu mẫu: Huy động mọi nguồn lực trong xây dựng thôn NTM kiểu mẫu. Thực hiện hoàn chỉnh các tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu để đề nghị công nhận vào cuối năm 2023.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đảm bảo vệ sinh môi trường và ATTP trong nhân dân.
- Tuyên truyền rộng rãi đến nhân dân nắm được các chính sách pháp luật của Nhà nước, hạn chế phát sinh thêm các hình thức phạm tội trên địa bàn xã.
- Tăng cường công tác an ninh trật tự.
- Phấn đấu trong năm đạt danh hiệu "Đơn vị quyết thắng".
- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện trong năm 2023 là 30, 925 tỷ đồng. Trong đó: Nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ là 10 tỷ; nguồn ngân sách xã 5,148 tỷ đồng, vốn tín dụng: 5 tỷ đồng; nhân dân đóng góp là 10,777 tỷ đồng (Nguồn nhân dân đóng góp làm đường giao thông, nhà văn hóa và chỉnh trang nhà cửa, vườn tược, tường rào, cổng ngõ...).

3. Đối với các tiêu chí đã đạt và một số nội dung cần thực hiện:

- Kiểm tra rà soát lại các tiêu chí đã đạt để tiếp tục đầu tư, bổ sung, duy trì và phát huy như: Tiêu chí về Thủy lợi&PCTT, Điện, Trường học, Cơ sở vật chất văn hóa, Văn hóa,....
- Chỉ đạo nhân dân tiếp tục xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà ở, chỉnh trang khuôn viên của gia đình, tường rào, cổng ngõ.
- Duy trì các tiêu chí xã an toàn thực phẩm, tăng cường tuyên truyền đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn xã vào các dịp Tết Nguyên đán, Tháng hành động, Tết Trung thu...

4. Tổng nguồn kinh phí dự kiến thực hiện trong năm 2023:

- Tổng kinh phí dự kiến thực hiện trong năm 2023 là 30,925 tỷ đồng. Trong đó: Nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ là 10 tỷ; nguồn ngân sách xã 5,148 tỷ đồng, vốn tín dụng: 5 tỷ đồng; nhân dân đóng góp là 10,777 tỷ đồng (Nguồn nhân dân đóng góp làm đường giao thông, nhà văn hóa và chỉnh trang nhà cửa, vườn tược, tường rào, cổng ngõ...).

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền:

- Tổ chức phát động, tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra. Phát động phong trào thi đua tiếp tục xây dựng nông thôn mới trong toàn xã, đặc biệt tại thôn Tâm Tiến và Hợp Tiến phấn đấu thôn NTM kiểu mẫu vào năm 2023.

- Ban Văn hóa, Đài Phát thanh xã xây dựng chương trình cụ thể để tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh, kẻ vẽ panô, áp phích; chuyên mục đưa tin trên đài phát thanh xã đến các thôn; phối hợp với Đài PTTH huyện để đưa tin kịp thời kết quả chỉ đạo, thực hiện Chương trình, gương điển hình tiêu biểu.

2. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực

Quan tâm hơn nữa việc đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao cho Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, Ban phát triển NTM các thôn; tổ chức học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các nơi trong và ngoài huyện.

3. Quản lý, chỉ đạo chương trình

- Tăng cường sự chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền; kiện toàn Ban Quản lý xây dựng NTM xã và Ban phát triển NTM 13 thôn trên địa bàn xã.

- Thực hiện rà soát các nội dung cụ thể thuộc các tiêu chí xây dựng NTM theo quyết định 32/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025, để có kế hoạch thực hiện cụ thể sát với tình hình thực tế của địa phương.

- Ban Chỉ đạo Chương trình NTM xã, các thôn xây dựng kế hoạch, giải pháp, lộ trình cụ thể và thực hiện nghiêm Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2021 của UBND xã Mậu Lâm về việc thực hiện xây dựng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Mậu Lâm giai đoạn 2021-2025.

4. Kinh phí thực hiện:

- Ủy ban nhân dân xã căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của cấp trên hàng năm lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Mậu Lâm. Tập trung khai thác các nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất. Trên cơ sở

kế hoạch này. Giao cho Cán bộ địa chính tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất hàng năm trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

5. Huy động nguồn lực:

Lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện chương trình; huy động các nguồn lực, đặc biệt là huy động sự đóng góp của nhân dân và các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Mậu Lâm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị xã hội, xã Mậu Lâm, các thành viên Ban chỉ đạo xã xây dựng kế hoạch chi tiết tổ chức tuyên truyền triển khai các nội dung của Kế hoạch này; định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo về Ban Chỉ đạo Chương trình NTM xã để tổng hợp báo cáo BCD XD NTM và Ủy ban nhân dân huyện.

Thủ trưởng các cơ quan (các trường) thực hiện theo từng tiêu chuẩn chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện của từng chỉ tiêu của tiêu chí giáo dục và đào tạo.

2. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các đoàn thể xã theo chức năng, nhiệm vụ tích cực tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện chương trình, kế hoạch xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; tham gia giám sát việc thực hiện nhiệm vụ ở các đơn vị và các thôn.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị gửi văn bản phản ánh về Ban Chỉ đạo Chương trình NTM xã để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- VP ĐP NTM huyện;
- TT ĐU; HĐND;
- Thành viên BCD xây dựng NTM;
- Các đoàn thể;
- 13 thôn, trường, trạm y tế;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Dương Ngọc Chinh

Kết quả rà soát bộ tiêu chí xã NTM xã Mậu Lâm theo Quyết định 32/QDD-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo vùng (vùng 1)	Kết quả rà soát	Tự đánh giá
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Có quy hoạch	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100% (Chiều rộng mặt đường $\geq 3,5m$; chiều rộng nền đường $\geq 6,5m$)	8/8 km = 100%	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100% (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)	23,095/23,095km = 100% cứng hóa; chưa đạt tỷ lệ chiều rộng mặt đường, nền đường	Chưa đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (trong đó: $\geq 50\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)	100% (25,2243/26,38 km = 95,7% cứng hóa); chưa đạt tỷ lệ chiều rộng mặt đường, nền đường	Chưa đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (trong đó: $\geq 50\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)	100% (12,297/12,297km = 100% cứng hóa)	Đạt
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	DT tưới, tiêu chủ động: 447,25/447,25ha = 100%	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt

4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥95%	2.141 hộ/2.141 hộ = 100%	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Xã có >3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: ≥70% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1). Xã có ≤3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (trong đó: ≥50% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)	4/4 trường=100%	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Quy hoạch: Bố trí được quỹ đất tối thiểu đối với xã thuộc huyện đồng bằng và đối với xã thuộc huyện miền núi, ở vị trí trung tâm để xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận. Trong đó: + Diện tích đất quy hoạch của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng tối thiểu đạt 500m ² đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 300m ² đối với xã thuộc huyện miền núi. + Diện tích đất quy hoạch của Khu thể thao xã (chưa tính sân vận động xã) tối thiểu đạt 2.000m ² đối với xã thuộc huyện đồng bằng, 1.200m ² đối với xã thuộc huyện miền núi. - Quy mô chỗ ngồi của Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng tối thiểu đạt 250 chỗ ngồi đối với xã xã thuộc huyện đồng bằng, 200 chỗ ngồi đối với xã thuộc huyện miền núi.- Trang thiết bị của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao đạt 100% theo quy định.	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt

		6.3. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	13/13 thôn = 100%	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	- Đối với xã có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn 2021-2025, phải xây dựng chợ đạt chuẩn theo quy định. - Đối với xã không có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn 2021- 2025 hoặc có trong quy hoạch chợ của tỉnh giai đoạn sau năm 2025 và chưa có chợ thì phải có cửa hàng tổng hợp hoặc siêu thị mini đạt chuẩn theo quy định.	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥85%	2.141/2.141 hộ = 100%	Đạt

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người)	Năm 2022	≥39	52	Đạt
			Năm 2023	≥42	57	Đạt
			Năm 2024	≥45	64	Đạt
			Năm 2025	≥48	71	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	Đạt	231 hộ/ 2141 hộ = 10,78%	Chưa đạt	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥70%	4.521/5.651 người = 80,003 %	Đạt	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥20%	1.357/4.521 người = 30,01%	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất và phát	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Đạt	Đạt	

	triển kinh tế nông thôn	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt	Đạt	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$	106/ 106 HS = 100%	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	6263/ 9264 người = 67,6%	Chưa đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 25\%$	111/940 = 11,8%	Đạt
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$	100%	Đạt
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	$\geq 70\%$	13/13 thôn = 100%	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 45\%$ ($\geq 20\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	1676/2141 hộ = 78,3% (0% từ hệ thống cấp nước tập trung)	Chưa đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 95\%$	11/11 cơ sở = 100%	Đạt

		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	2m ² / người	Đạt
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	90%	Đạt
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch[3]	$\geq 70\%$	1.841/2141 hộ = 86%	Đạt
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$	1.694/1.783 hộ=95%	Đạt
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	103/ 103 cơ sở = 100%	Đạt
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$	1606/ 2141 hộ = 75 %	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 30\%$	90%	Đạt
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%	Đạt
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt

		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt